

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng được thành lập theo Quyết định số 35/2003/QĐ-UB ngày 17 tháng 3 năm 2003 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 28 tháng 05 năm 2003.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có điều chỉnh Giấy phép như sau:

- Lần 1: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 ngày 29 tháng 06 năm 2004, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 VND lên 15.000.000.000 VND.
- Lần 2: Giấy xác nhận số 683/KHĐT-ĐKKD ngày 13 tháng 04 năm 2007, chuẩn y việc thay đổi Tên Công ty thành " Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng".
- Lần 3: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 ngày 13 tháng 04 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 15.000.000.000 VND lên 20.000.000.000 VND.
- Lần 4: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 ngày 18 tháng 06 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 VND lên 41.391.600.000 VND.
- Lần 5: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 ngày 22 tháng 04 năm 2009, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 41.391.600.000 VND lên 85.000.000.000 VND.

- Vốn điều lệ: 85.000.000.000 VND
- Trụ sở chính của Công ty:
 - Địa chỉ : Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, Tp. Đà Lạt.
 - Điện thoại : (0633) 832 511 – 828 127 – 825 549
 - Fax : (0633) 830 142
 - Email : ctyvllxld@hcm.vnn.vn
 - Mã số thuế : 5800391633

- Các Xi nghiệp thành viên:

Xi nghiệp Hiệp An

Địa chỉ : Quốc lộ 20, Hiệp An, Đức Trọng, Lâm Đồng.
Điện thoại : (063) 3913219
(063) 3840872
Fax : (063) 3840609
Mã số thuế : 5800391633 – 001

Xi nghiệp Gạch ngói Tuyenet Thạnh Mỹ

Địa chỉ : Nghĩa Lập, Thạnh Mỹ, Đơn Dương, Lâm Đồng.
Điện thoại : (063) 3848862
Fax : (063) 3620042
Mã số thuế : 5800391633 – 003

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xí nghiệp Đá Cát

Địa chỉ : 17B Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại : (063) 3832512

Mã số thuế : **5800391633 - 004**

Xí nghiệp Hiệp Tiến

Địa chỉ : Phường Lộc Tiến, thị xã Bảo Lộc, Lâm Đồng.

Điện thoại : (063) 3868560

Fax : (063) 3868555

Mã số thuế : **5800391633 - 006**

Xí nghiệp Bê tông Hiệp Lạc

Địa chỉ : 17B Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại : (063) 3552318

Mã số thuế : **5800391633 - 007**

- Công ty con: Công Ty Cổ Phần Hiệp Thành.

Công ty Cổ Phần Hiệp Thành được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước là Xí nghiệp Hiệp Thành thuộc Công ty Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng theo Quyết định số 3496/QĐ-UB ngày 09 tháng 11 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 059255 ngày 03 tháng 01 năm 2000 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ nhất vào ngày 02 tháng 07 năm 2007.

- Công ty liên kết: Công ty Cổ Phần Hiệp Phú.
- Hoạt động chính của Công ty: sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng. Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt. San lấp mặt bằng. Kinh doanh vận chuyển hàng. Khai thác, chế biến và kinh doanh Khoáng sản. Hoạt động xuất, nhập khẩu; Trồng rừng.

Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm Báo cáo này (từ trang 07 đến trang 28).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2010 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên

Ông Lương Hùng Minh

Ông Phạm Tuấn Anh

Ông Lương Minh Nhật

Ông Võ Xuân Sơn

Chức vụ

Chủ tịch

Phó Chủ tịch

Ủy viên

Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOẢNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Ông Lê Xuân Diệp	Ủy viên
Ông Lê Đình Hiến	Ủy viên
Ông Nguyễn Danh Cường	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên

Ông Vũ Ngọc Phách
Ông Hầu Văn Tuấn
Bà Phan Phạm Phú Nam Châu

Chức vụ

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên

Ông Lương Hùng Minh
Ông Võ Xuân Sơn

Chức vụ

Tổng Giám đốc
Phó tổng Giám đốc

Kế toán Trưởng

Họ và tên

Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Chức vụ

Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ kế toán này, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập các Báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán trong việc trình Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty, xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



LƯƠNG HÙNG MINH – Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 15 tháng 08 năm 2010

Số: 0021/2010/BC-KQSX

BÁO CÁO

KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Khoáng sản Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010, được lập ngày 15 tháng 08 năm 2010, từ trang 07 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công tác soát xét của Chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận về công tác soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét toàn bộ Báo cáo tài chính hợp nhất, Chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo sau đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2010

**VÕ THỊ THU HƯƠNG - Phó Giám đốc**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0455/KTV

VĂN NAM HẢI - Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0832/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		89.899.903.887	93.763.933.833
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	28.679.612.164	26.038.744.251
1. Tiền	111		22.679.612.164	20.038.744.251
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	6.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.000.000.000	18.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	9.000.000.000	18.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.147.486.235	25.013.084.443
1. Phải thu khách hàng	131		24.695.296.883	21.685.784.773
2. Trả trước cho người bán	132		3.765.394.370	5.184.328.020
3. Các khoản phải thu khác	135		1.036.832.596	1.493.009.264
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.350.037.614)	(3.350.037.614)
IV. Hàng tồn kho	140		23.112.334.243	22.342.584.274
Hàng tồn kho	141	V.3	23.112.334.243	22.342.584.274
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.960.471.245	2.369.520.865
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4	998.328.446	543.909.006
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	35.922.265
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	3.915.424
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	1.962.142.799	1.785.774.170
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		107.786.854.491	104.211.214.942
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		101.137.596.911	97.301.375.577
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	92.209.012.091	89.066.290.325
Nguyên giá	222		163.901.785.275	153.933.099.783
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.692.773.184)	(64.866.809.458)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1.478.698.916	1.637.865.040
Nguyên giá	228		4.031.900.373	4.031.900.373
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.553.201.457)	(2.394.035.333)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	7.449.885.904	6.597.220.212
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	1.020.442.768	1.240.441.088
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.020.442.768	1.240.441.088
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.628.814.812	5.669.398.277
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	4.614.365.389	5.299.543.850
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		72.792.402	47.069.813
3. Tài sản dài hạn khác	268		941.657.021	322.784.614
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		197.686.758.378	197.975.148.775

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo).

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		69,826,886,713	69,514,831,716
I. Nợ ngắn hạn	310		44,164,988,726	45,567,955,460
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	16,265,470,043	16,871,929,630
2. Phải trả người bán	312		9,826,828,930	11,179,898,989
3. Người mua trả tiền trước	313		1,587,124,020	2,924,508,789
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	3,022,927,783	2,571,216,808
5. Phải trả người lao động	315		7,597,692,892	7,919,053,271
6. Chi phí phải trả	316		1,651,728,752	935,173,919
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	2,626,938,142	1,783,139,972
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1,586,278,164	1,383,034,082
II. Nợ dài hạn	330		25,661,897,987	23,946,876,256
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	25,592,891,960	23,853,417,945
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		69,006,027	93,458,311
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		127,859,871,665	128,460,317,059
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	120,591,620,181	121,022,719,614
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85,000,000,000	85,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21,378,566,720	21,378,566,720
3. Cổ phiếu quỹ	414		(2,268,207,057)	(2,425,234,557)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		207,844,090	418,233,054
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		7,478,601,868	8,028,930,488
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,563,731,348	1,189,493,931
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7,231,083,212	7,432,729,978
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
III. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		7,268,251,484	7,437,597,445
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		197,686,758,378	197,975,148,775

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. Nợ khó đòi đã xử lý		1,052,863,586	1,052,863,586
Ngoại tệ các loại:			
- Dollar Mỹ (USD)		686,717.83	333,361.51

Lâm Đồng, ngày 15 tháng 08 năm 2010.



LÊ NGUYỄN HÙNG MINH
Tổng Giám đốc

PHẠM THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng

LÊ NAM ĐỒNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	86,323,476,701	66,458,145,736
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1,825,372	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		86,321,651,329	66,458,145,736
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	57,757,220,512	48,166,227,179
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ			28,564,430,817	18,291,918,557
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,446,591,681	311,888,902
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2,894,473,687	3,107,044,718
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2,887,917,931	2,986,412,465
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	9,990,552,485	4,810,826,779
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	8,305,254,166	7,308,256,251
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8,820,742,160	3,377,679,711
11. Thu nhập khác	31		1,184,225,712	282,832,980
12. Chi phí khác	32		9,611,537	36,194,973
13. Lợi nhuận khác	40		1,174,614,175	246,638,007
14. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	40		(72,998,320)	107,447,846
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9,922,358,015	3,731,765,564
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	2,083,602,363	514,486,094
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	(25,722,589)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>7,864,478,241</u>	<u>3,217,279,470</u>
Trong đó:				
- Thuộc về chủ sở hữu Công ty mẹ			7,209,895,276	2,451,310,195
- Thuộc về cổ đông thiểu số			654,582,965	765,969,275
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/Cổ phiếu)	70		<u>863</u>	<u>532</u>

Lâm Đồng, ngày 08 tháng 08 năm 2010.



LƯƠNG HÙNG MINH
Tổng Giám đốc

PHẠM THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng

LÊ NAM ĐỒNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG
17B Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		9,922,358,615	3,731,765,564
Điều chỉnh cho các khoản:			-	-
- Khấu hao tài sản cố định	02		6,985,129,850	5,914,287,246
- Tăng các khoản dự phòng	03		-	(86,796,649)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(899,514,981)	(54,730,300)
- Chi phí lãi vay	06		2,887,917,931	2,986,412,465
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18,895,890,815	12,490,938,326
- Tăng các khoản phải thu	09		(2,030,934,562)	(7,375,308,547)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(769,749,969)	2,388,216,576
- (Giảm)/tăng các khoản phải trả không bao gồm lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp	11		(2,939,249,013)	22,782,190,931
- Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12		230,759,021	(1,512,843,151)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2,887,917,931)	(2,986,412,465)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1,539,547,274)	(317,783,810)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(384,380,500)	(62,748,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8,574,870,587	25,406,249,860
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(10,821,351,184)	(25,789,539,289)
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(4,000,000,000)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9,000,000,000	-
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	54,730,300
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,119,513,301	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(701,837,883)	(29,734,808,989)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		157,027,500	29,979,746,500
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		19,812,424,058	23,643,574,897
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(18,679,409,630)	(44,800,233,824)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6,715,817,000)	(418,504,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5,425,775,072)	8,404,583,573
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2,447,257,632	4,076,024,444
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		26,038,744,251	20,061,870,307
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		193,610,281	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	28,679,612,164	24,137,894,751

Lâm Đồng, ngày 15 tháng 08 năm 2010.

 

LƯƠNG HÙNG MINH
Tổng Giám đốc



PHẠM THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng



LÊ NAM ĐỒNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng. Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt. San lấp mặt bằng. Kinh doanh vận chuyển hàng. Khai thác, chế biến và kinh doanh Khoáng sản. Hoạt động xuất, nhập khẩu; Trồng rừng.

4. Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con được hợp nhất:

Công ty Cổ phần Hiệp Thành

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành, Xã Tam Bỏ, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng

Công ty Cổ phần Hiệp Thành được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước là Xi nghiệp Hiệp Thành thuộc Công ty Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng theo Quyết định số 3496/QĐ-UB ngày 09 tháng 11 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 059255 ngày 03 tháng 01 năm 2000 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ nhất vào ngày 02 tháng 07 năm 2007.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Công ty Cổ phần Khoáng sản Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng: 58,48%

Quyền biểu quyết của Công ty Công ty Cổ phần Khoáng sản Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng: 58,48%

Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Công ty Cổ phần Hiệp Phú:

Địa chỉ trụ sở chính: 191 Tô Ngọc Vân, Phường 2, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Công ty Cổ phần Khoáng sản Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng: 35,00%

Quyền biểu quyết của Công ty Công ty Cổ phần Khoáng sản Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng: 35,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp kết thúc năm.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty Mẹ sử dụng hình thức sổ nhật ký chung;

Công ty cổ phần Hiệp Thành áp dụng hình thức sổ nhật ký chung;

Công ty cổ phần Hiệp Phú áp dụng hình sổ nhật ký chung..

4. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Các Công ty con

Các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010. Các Báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Tất cả các số dư và nghiệp vụ, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nằm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả kinh

Các Công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chỉ phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các Báo cáo tài chính của các Công ty con được hợp nhất trong các Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

Công ty liên kết (đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các Công ty liên kết là những đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần chi phí và thu nhập của Công ty trong các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Nếu phần lỗ của Công ty vượt quá khoản đầu tư của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn) được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bốc tải phụ và chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá: Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cho việc hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời vv...) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào các khoản phải thu không có khả năng thu hồi, cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 06
Tài sản cố định khác	04 – 12

Thay đổi thời gian sử dụng hữu ích của tài sản

Trong kỳ Công ty đã thay đổi thời gian sử dụng hữu ích của máy móc thiết bị dùng cho sản xuất c từ 15 năm thành 25 năm ho phù hợp với quyết định 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009. Việc thay đổi thời gian hữu ích của tài sản làm chi phí khấu hao làm chi phí khấu hao 6 tháng đầu năm 2010 giảm 611.955.270 VND so với cùng kỳ kế toán năm trước.

7. Tài sản cố định vô hình

Hệ thống chất lượng Iso

Toàn bộ các chi phí Công ty đã bỏ ra để xây dựng hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (05) năm.

Chi phí hầm mỏ, thăm dò và chi phí đền bù giải tỏa

Các chi phí Công ty đã bỏ ra để đền bù giải tỏa, thăm dò hầm mỏ và quyền khai thác hầm mỏ được khấu hao từ ba (03) đến mười hai (12) năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn toàn hoàn thành hoặc lắp đặt xong và được thể hiện theo nguyên giá. Không tính hao mòn cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng hay lắp đặt cho tới khi các tài sản đó được hoàn thành và đem vào sử dụng.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thâm dò và tiền đền bù hoa màu

Chi phí thâm dò và tiền đền bù hoa màu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá ba (03) năm.

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 đến 3 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ việc bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở phù hợp với doanh thu trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.117.851.559	2.923.074.923
VND	1.051.263.599	2.923.074.923
Tiền gửi Ngân hàng	21.561.760.605	17.115.669.328
VND	8.564.501.821	7.332.365.253
USD quy đổi VND	12.997.258.784	9.783.304.075
Khoản đầu tư có thời hạn 1 tháng	6.000.000.000	6.000.000.000
Tổng Cộng	28.679.612.164	26.038.744.251

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn (*)	9.000.000.000	18.000.000.000
------------------------	---------------	----------------

(*) Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 3 đến 6 tháng, lãi suất 11,5%/năm.

3. Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu	10.819.130.893	8.418.377.614
Công cụ dụng cụ	586.213.901	330.265.338
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.669.014.745	5.440.285.513
Thành phẩm	7.034.573.132	8.150.254.237
Hàng hóa	3.401.572	3.401.572
Cộng giá gốc hàng tồn kho	23.112.334.243	22.342.584.274

4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí công cụ dụng cụ	131801205	221.340.537	204.372.298	148.769.444
Chi phí bảo hiểm tài sản	35.274.433	136.774.727	69.451.051	102.598.109
Chi phí bốc dỡ tăng phụ	156.863.640	236.708.000	63.784.752	329.786.888
Chi phí khác	219.969.728	616.919.816	419.715.539	417.174.005
Tổng cộng	543.909.006	1.211.743.080	757.323.640	998.328.446

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

5. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng nhân viên	1.934.388.841	1.702.511.852
Kỳ quỹ ký cược ngắn hạn	27.753.958	83.262.318
Tổng cộng	1.962.142.799	1.785.774.170

6. Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	TSCĐ khác	Cộng TSCĐ hữu hình
I. Nguyên giá							
1. Số đầu năm	50.671.434.516	84.335.015.242	16.506.138.864	1.536.183.341	567.920.001	316.407.819	155.933.099.783
2. Tăng trong kỳ	13.861.755	6.923.879.335	3.030.944.402	-	-	-	9.968.683.492
3. Số cuối năm	60.685.296.271	91.258.894.577	19.537.083.266	1.536.183.341	567.920.001	316.407.819	163.901.785.275
II. Hao mòn lũy kế							
1. Số đầu năm	19.204.317.654	36.553.505.017	7.549.011.189	1.165.859.102	181.227.271	212.889.245	64.866.839.458
2. Tăng trong năm	1.423.684.983	4.297.610.476	1.003.721.741	64.699.068	27.620.910	8.626.548	6.825.963.726
3. Số cuối năm	20.628.002.637	40.851.115.493	8.552.732.930	1.230.558.170	208.848.181	221.515.793	71.692.773.184
III. Giá trị còn lại							
1. Số đầu năm	31.467.116.862	47.781.510.225	8.957.127.695	370.324.239	386.692.730	103.518.574	89.066.260.325
2. Số cuối năm	30.057.293.634	50.407.779.084	10.984.350.336	305.625.171	359.071.820	94.892.026	92.209.012.091

Giá trị tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 bao gồm:

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 3.225.353.368 VND (Xem thuyết minh số V.15).

Giá trị của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 31.133.732.955 VND

7. Tăng, giảm TSCĐ vô hình

Chỉ tiêu	Hệ thống quản lý chất lượng ISO	Chi phí hàm mô, thăm dò	Chi phí đến bù, giải tỏa	Quyền sử dụng đất	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	382.319.275	1.166.858.343	1.361.936.755	1.120.786.000	4.031.900.373
2. Số cuối kỳ	382.319.275	1.166.858.343	1.361.936.755	1.120.786.000	4.031.900.373
II. Giá trị hao mòn					
1. Số đầu năm	157.467.164	459.025.122	656.757.047	1.120.786.000	2.394.035.333
2. Tăng trong kỳ	39.656.752	47.406.398	72.102.974	-	159.166.124
3. Số cuối kỳ	197.123.916	506.431.520	728.860.021	1.120.786.000	2.553.201.457
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	224.852.111	707.833.221	705.179.708	-	1.637.865.040
2. Số cuối kỳ	185.195.359	660.426.823	633.076.734	-	1.478.698.916

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiêu	Số dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số dư cuối kỳ
Dự án nhà máy cao lanh Hiệp Tiến	-	839.434.127	-	1.551.200	837.882.927
Dự án cao lanh Trại mắt Hiệp An	1.983.468.444	-	-	-	1.983.468.444
Dự án XN Đá Cát	1.846.155.693	115.432.596	1.961.588.289		-
Dự án nhà máy Sứ Hiệp An	2.548.798.152	1.753.375.962		43.539.000	4.258.635.114
Dự án nhà máy gạch Thanh Mỹ	102.000.000	412.000.000	514.000.000	-	-
Trạm trộn Bê Tông	20.955.500	7.351.030.703	7.351.986.203		20.000.000
Các công trình khác	95.842.423	254.056.996	-	-	349.899.419
Tổng cộng	6.597.220.212	10.725.330.384	9.827.574.492	45.090.200	7.449.885.904

9. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hiệp Phú	1.020.442.768	1.240.441.088
Tỷ lệ góp vốn	35%	35%

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiêu	Số dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Phí đền bù	2.272.886.962	1.140.932.636	1.255.913.216	2.157.906.382
Phí thăm dò	91.339.135	-	45.670.091	45.669.044
Chi phí đền bù hoa màu mỏ đá	669.333.512	-	223.111.171	446.222.341
Chi phí công cụ, dụng cụ	263.785.456	657.680.169	442.804.526	478.661.099
Chi phí khác	2.002.198.785	-	516.292.262	1.485.906.523
Tổng Cộng	5.299.543.850	1.798.612.805	2.483.791.266	4.614.365.389

11. Vay và nợ ngắn hạn

	Số đầu năm	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi nhánh Ngân hàng công thương tỉnh Lâm Đồng	9.887.280.090	11.133.606.043	9.887.280.090	11.133.606.043
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Lâm Đồng	6.593.449.540	3.865.723.500	6.593.449.540	3.865.723.500
Ngân hàng NN&PTNT CN Lâm Đồng	391.200.000	1.266.140.500	391.200.000	1.266.140.500
Tổng Cộng	16.871.929.630	16.265.470.043	16.871.929.630	16.265.470.043

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng công thương tỉnh Lâm Đồng bao gồm:

- Hợp đồng vay số 09220011/HĐTDHM ngày 22/01/2009 với hạn mức cho vay là 4 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng. Khoản vay nhằm mục đích sản xuất cao lanh tại xí nghiệp Hiệp Tiến. Khoản vay chịu lãi suất 0,97%/tháng và thay đổi theo quyết định của Tổng Giám đốc Ngân hàng Công Thương Việt Nam. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng vay số 08220011/HĐTDHM ngày 22/01/2008 với hạn mức cho vay là 5 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng. Khoản vay nhằm mục đích sản xuất cao lanh tại nhà máy Hiệp Tiến. Khoản vay chịu lãi suất 1,1%/tháng và thay đổi theo quyết định của Tổng Giám đốc Ngân hàng Công Thương Việt Nam. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng vay số 10080001/HĐTDHM ngày 10/2/2010 với hạn mức cho vay là 14 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay chịu lãi suất 1%/tháng và thay đổi theo quyết định của Tổng Giám đốc Ngân hàng Công Thương Việt Nam. Khoản vay được đảm bảo bằng 4 chiếc xe tại Văn Phòng Công ty.

Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và phát triển Lâm Đồng bao gồm:

- Hợp đồng vay 01/2010/HĐ ngày 08 tháng 02 năm 2010 với số tiền vay là 500 triệu đồng, thời hạn 5 tháng. Khoản vay nhằm mục đích trả lương cho nhân viên. Khoản vay chịu lãi suất 12%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng doanh thu của Xí nghiệp Thạnh Mỹ.
- Hợp đồng vay 02/2010/HĐ ngày 25 tháng 02 năm 2010 với số tiền vay là 500 triệu đồng, thời hạn 5 tháng. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán lương. Khoản vay chịu lãi suất 12%/năm và được đảm bảo bằng doanh thu của Xí nghiệp Thạnh Mỹ.
- Hợp đồng vay 03/2010/HĐ ngày 17 tháng 03 năm 2010 với số tiền vay là 832.420.000VND, thời hạn 5 tháng. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán lương. Khoản vay chịu lãi suất 12%/năm và được đảm bảo bằng doanh thu của Xí nghiệp Thạnh Mỹ.
- Hợp đồng vay số 04/2010/HĐ ngày 20 tháng 05 năm 2010 với số tiền vay là 500 triệu đồng, thời hạn 5 tháng. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán lương. Khoản vay chịu lãi suất 13%/năm và được đảm bảo bằng doanh thu của Xí nghiệp Thạnh Mỹ.
- Hợp đồng vay số 04/2010/HĐ ngày 23 tháng 06 năm 2010 với số tiền vay là 500 triệu đồng, thời hạn 5 tháng. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán lương. Khoản vay chịu lãi suất 13%/năm và được đảm bảo bằng doanh thu của Xí nghiệp Thạnh Mỹ.

Khoản vay Ngân hàng NHNN&PTNN Lâm Đồng bao gồm:

- Hợp đồng vay số 5400LAV201000173/HĐTD ngày 01 tháng 02 năm 2010 với hạn mức cho vay là 2 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay chịu lãi suất 12%/năm và không có tài sản đảm bảo.

12. Thuế và các khoản phải nộp khác

Stt	Chi tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải cuối kỳ
1.	Thuế	2.391.805.439	7.687.097.235	7.134.700.956	2.944.201.718
1.	Thuế giá trị gia tăng hàng bán trong nước	510.017.003	3.568.637.186	3.438.925.999	639.728.190
2.	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	180.554.755	180.554.755	-
3.	Thuế xuất, nhập khẩu	-	154.783.345	154.783.345	-
4.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.351.057.129	2.083.602.363	1.539.547.274	1.895.112.218
5.	Thuế tài nguyên	521.161.559	1.323.823.771	1.573.099.275	271.886.055
6.	Tiền thuế đất	(3.808.272)	268.101.176	136.400.000	127.892.904

Bản thuyết minh này là một bộ phận cấu thành Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

Str	Chi tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải cuối kỳ
7.	Các loại thuế khác	13.378.020	107.594.639	111.390.308	9.582.351
	<i>Thuế môn bài</i>	-	11.000.000	11.000.000	-
	<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	13.378.020	96.594.639	100.390.308	9.582.351
II.	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	175.495.945	503.114.820	599.884.700	78.726.065
	Phí bảo vệ môi trường	175.495.945	503.114.820	599.884.700	78.726.065
	Cộng	2.567.301.384	8.190.212.055	7.734.585.656	3.022.927.783

(*) Khoản thuế được trình bày trên phần thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	332.240.849	319.827.981
Bảo hiểm xã hội	277.232.442	173.996.652
Bảo hiểm Y tế	79.630.736	26.714.358
Bảo hiểm thất nghiệp	45.217.201	-
Tiền bồi thường hỗ trợ GPMB NM Cao lanh	516.988.000	-
Tiền đền bù hoa màu	136.053.000	-
Trung tâm khuyến công Lâm Đồng	150.000.000	-
Phải trả khác	1.089.575.914	1.262.600.981
Tổng cộng	2.626.938.142	1.783.139.972

14. Vay và nợ dài hạn

Đối tượng	Đầu năm	Tăng trong kỳ	Trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Chủ nhánh Ngân hàng công thương tỉnh Lâm Đồng	21.352.842.060	1.147.529.900	1.507.480.000	20.992.891.960
+ Khoản vay A	18.281.250.000		1.218.750.000	17.062.500.000
+ Khoản vay B	2.129.050.060		250.480.000	1.878.570.060
+ Khoản vay C	942.542.000	687.382.250	-	1.629.924.250
+ Khoản vay D		460.147.650	38.250.000	421.897.650
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Lâm Đồng	2.500.575.885	2.399.424.115	300.000.000	4.600.000.000
Tổng Cộng	23.853.417.945	3.546.954.015	1.807.480.000	25.592.891.960

Vay chi nhánh Ngân hàng công thương tỉnh Lâm Đồng bao gồm các hợp đồng như sau:

- Khoản vay (A) Hợp đồng vay số 08220005/HĐ ngày 29/04/2008 với số tiền cho vay là 19,5 tỷ đồng, thời hạn 9 năm. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư nâng cấp nhà máy Hiệp An. Khoản vay chịu lãi suất là 1,3%/tháng và thay đổi theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh V.6). Khoản vay được thanh toán từ ngày 29/07/2009 đến ngày 29/07/2017 với số tiền 609 triệu đồng/quý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phường Đồng Thuận Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

- Khoản vay (B) Hợp đồng vay số 09220008 ngày 19/01/2009 với số tiền cho vay là 2,5 tỷ đồng, thời hạn 60 tháng. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư Nhà chứa nhiên liệu, nhà xưởng nghiền-trộn liệu, thiết bị sàng phân ly samôt và hệ móng máy, móng lò nung, sấy, lò sinh khí than nóng, Tầm Carbon silic và trụ nung. Khoản vay chịu lãi suất là 1,06%/tháng và thay đổi theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản, giá trị tài sản đảm bảo 5.161.399.000 VND. Khoản vay được thanh toán nợ gốc hàng quý từ ngày 19/07/2009 đến ngày 19/07/2012 với số tiền 143 triệu đồng/quý, kỳ hạn thanh toán cuối cùng vào ngày 19/10/2012 với số tiền thanh toán là 62 triệu đồng.
- Khoản vay (C) Hợp đồng vay số 09080001 ngày 03/09/2009 với số tiền cho vay là 3,3 tỷ đồng, thời hạn 60 tháng. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng nhà xưởng. Khoản vay chịu lãi suất là 10,5%/ năm (0,875%/tháng) tháng và thay đổi theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản số 09080001, giá trị tài sản đảm bảo 6.795.760.000 VND. Khoản vay được thanh toán nợ gốc 6 tháng/lần từ ngày 03/10/2010 đến ngày 03/04/2014 với số tiền 374 triệu đồng/6 tháng, kỳ hạn thanh toán cuối cùng vào ngày 03/09/2014 với số tiền thanh toán là 308 triệu đồng.
- Khoản vay (D) Hợp đồng vay số HD 10080002DN ngày 24/3/2010 với số tiền cho vay là 460.147.650 VND, thời hạn 36 tháng. Khoản vay nhằm mục đích nhập máy móc thiết bị. Khoản vay chịu lãi suất là 15%/ năm (1,25%/tháng). Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay được thanh toán hàng quý từ ngày 24/06/2010 đến ngày 24/12/2012 với số tiền 38,25 triệu đồng/quý, kỳ hạn thanh toán cuối cùng vào ngày 24/03/2013 với số tiền thanh toán là 39.667.650 VND.

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Lâm Đồng

Hợp đồng vay số 01/2008/HĐ ngày 12/05/2008 với hạn mức cho vay là 5,5 tỷ đồng với thời hạn 84 tháng. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư nâng cấp nhà máy bê tông Hiệp Lực. Khoản vay chịu lãi suất là 1,46%/tháng và không có tài sản đảm bảo. Khoản vay được thanh toán nợ gốc hàng quý, từ ngày 25/2/2009 đến ngày 25/5/2010 thanh toán với số tiền 150 triệu đồng/quý, từ ngày 25/8/2010 đến ngày 25/5/2011 thanh toán với số tiền 180 triệu đồng/quý, từ ngày 25/08/2011 đến ngày 25/05/2012 thanh toán với số tiền 220 triệu đồng/quý, từ ngày 25/08/2012 đến ngày 09/05/2015 thanh toán với số tiền 250 triệu đồng/quý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phố Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

15. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Cộng
Số dư đầu năm trước	41.355.600.000	13.910.464.220	(2.425.234.557)	6.386.034.132	827.870.246	6.281.926.593	-	66.336.660.634
Tăng vốn trong năm trước	43.644.400.000	7.518.102.500	-	-	-	-	-	51.162.502.500
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	10.411.967.253	-	10.411.967.253
Thuế TNĐN năm 2009 được miễn giảm	-	-	-	977.455.470	-	(977.455.470)	-	-
Tăng khác	-	-	-	46.826.022	-	-	418.233.054	465.059.076
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(5.952.118.365)	-	(5.952.118.365)
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.054.635.062	393.080.841	(2.170.340.033)	-	(722.624.130)
Giảm khác	-	(50.000.000)	-	(436.020.198)	(31.457.156)	(161.250.000)	-	(678.727.354)
Số dư cuối năm trước	85.000.000.000	21.378.566.720	(2.425.234.557)	8.028.930.488	1.189.403.931	7.432.729.978	418.233.054	121.022.719.614
Số dư đầu năm nay	85.000.000.000	21.378.566.720	(2.425.234.557)	8.028.930.488	1.189.403.931	7.432.729.978	418.233.054	121.022.719.614
Tăng vốn trong kỳ	-	-	157.027.500	-	-	-	-	157.027.500
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	7.209.895.276	-	7.209.895.276
Thuế TNĐN được miễn giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	193.610.281	193.610.281
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	(5.845.000.000)	-	(5.845.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	582.130.457	374.237.417	(1.538.498.331)	-	(582.130.457)
Giảm khác	-	-	-	(1.132.459.077)	-	(28.043.711)	(403.999.245)	(1.564.502.033)
Số dư cuối năm nay	85.000.000.000	21.378.566.720	(2.268.207.057)	7.478.601.868	1.563.731.348	7.231.083.212	207.844.090	120.591.620.181

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.500.000	8.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	8.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	142.500	150.000
+ Cổ phiếu phổ thông	142.500	150.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.357.500	8.350.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.357.500	8.350.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Mệnh giá cổ phiếu 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ khen thưởng phúc lợi: Dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: Dùng cho công tác khen thưởng của ban quản lý, điều hành Công ty.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Doanh thu bán hàng	86.323.476.701	66.458.145.736
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.825.372	-
Doanh thu thuần	86.321.651.329	66.458.145.736

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của thành phẩm đã bán	57.757.220.512	48.166.227.179
-------------------------------	----------------	----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Lãi tiền gửi	972.513.301	311.888.902
Chênh lệch tỉ giá thanh toán	474.078.380	-
Cộng	1.446.591.681	311.888.902

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	2.887.917.931	2.986.412.465
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.555.756	7.870.167
Chiết khấu thanh toán	-	58.591.423
Chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	-	17.806.416
Khác	-	36.364.247
Cộng	2.894.473.687	3.107.044.718

5. Chi phí bán hàng

Chi phí lương nhân viên	532.237.413	379.438.308
Chi phí nguyên vật liệu	1.215.501.509	902.709.689
Chi phí khấu hao	553.089.408	322.623.616
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.738.674.298	2.644.924.344
Chi phí bằng tiền khác	951.049.857	561.130.822
Tổng cộng	9.990.552.485	4.810.826.779

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí lương nhân viên	5.081.448.994	4.435.001.820
Chi phí nguyên vật liệu	758.367.613	608.698.406
Chi phí khấu hao	513.410.050	470.957.052
Thuế, phí lệ phí	247.407.120	172.506.683
Chi phí dự phòng	46.243.000	53.713.775
Chi phí dịch vụ mua ngoài	308.558.153	357.822.629
Chi phí bằng tiền khác	1.349.819.236	1.209.555.886
Tổng cộng	8.305.254.166	7.308.256.251

7. Thu nhập khác

Thu nhập từ bán phế phẩm, phế liệu	36.555.179	34.029.824
Thu nhập cho thuê nhà	8.307.924	7.605.420
Thu nhập từ việc xử lý cổ tức	1.132.459.077	-
Thu nhập khác	6.903.532	241.197.736
Tổng cộng	1.184.225.712	282.832.980

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% thu nhập chịu thuế trừ thu nhập chịu thuế từ dự án nhà máy sản xuất gạch Tuynen đầu tư năm 2002 tại xí nghiệp Thanh Mỹ.

Đối với thu nhập chịu thuế từ Xí nghiệp Hiệp Tiến được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 1 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 (bốn) năm tiếp theo.

Đối với thu nhập chịu thuế từ Xí nghiệp Thanh Mỹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 (ba) năm tiếp theo.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ. Việc xác định và tính thuế TNDN còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

Các Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế

	Kỳ này
Lợi nhuận trước thuế.	9.734.078.763
Các khoản điều chỉnh	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế.</i>	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế.</i>	302.284.033
Thu nhập chịu thuế phát sinh trong năm.	9.103.903.740
<i>Thuế suất 20%.</i>	99.513.792
<i>Thuế suất 25%.</i>	9.004.389.948
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm.	2.271.000.246
<i>Thuế suất 20%.</i>	19.902.758
<i>Thuế suất 25%.</i>	2.251.097.487
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm trong kỳ	187.397.883
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm.	2.083.602.363

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Hoàn nhập khoản chi phí thuế thu nhập hoãn lại đầu kỳ (a)	47.069.813
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong (b)	(72.792.402)
Ghi nhận khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong kỳ (a)+(b)	(25.722.589)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Chỉ tiêu quỹ khen thưởng phúc lợi được trình bày là một phần của vốn chủ sở hữu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được phân loại lại để phù hợp với việc trình bày các Báo cáo tài chính của kỳ kế toán hiện hành theo hướng dẫn tại thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính về việc "Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp". Theo cách phân loại này, số dư đầu năm vốn chủ sở hữu giảm đi 1.383.034.082 VND, đồng thời khoản phải trả đầu năm tăng lên số tiền tương ứng.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	
Công ty Cổ phần Hiệp Phú	Công ty liên kết	
Trong kỳ, nghiệp vụ giao dịch với các bên liên quan như sau:		
Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Số tiền
Công ty CP Hiệp Phú	Bán nguyên vật liệu	481.278.000
	Nhận cổ tức năm 2009	147.000.000

Số dư các khoản công nợ với các bên liên quan tại ngày 30/06/2010

Công ty Cổ phần Hiệp Phú

Phải thu tiền bán nguyên vật liệu	1.437.758.000
-----------------------------------	---------------

3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	45,48	38,81
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	54,52	61,19
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	35,32	45,11
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	64,68	54,89
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,51	1,25
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	4,48	3,22
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,65	0,43
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	11,49	3,69
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	9,11	2,91

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

Chỉ tiêu	ĐVT	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	5,02	1,06
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	3,98	0,83
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i>	%	6,52	1,52

Lâm Đồng, ngày 15 tháng 08 năm 2010



LƯƠNG HÙNG MINH

Tổng Giám đốc

PHẠM THỊ MỸ DUNG

Kế toán trưởng

LÊ NAM ĐỒNG

Người lập biểu